

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bản án số: 17/2024/HN-ST

Ngày: 20/3/2024.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mai Hồng

2. Bà Đỗ Thị Lệ Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 06/2024/TLST–HNST ngày 19 tháng 01 năm 2024 về việc “*tranh chấp ly hôn*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 69/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông N.Q.T, sinh năm 1976

Địa chỉ: C34 chung cư 178 đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- **Bị đơn:** Bà N.T.H, sinh năm 1984

ĐKTT: 151D1 Nguyễn Tri Phương, khu vực 1, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ hiện nay: 151/17 hẻm liên tổ 12-20 Nguyễn văn Cừ, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn trình bày:

Ông và bà N.T.H tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 01/10/2019 tại UBND phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều quan điểm bất đồng, thường xuyên mâu thuẫn, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tình cảm không thể hàn gắn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà N.T.H.

Về con chung: ông bà có 01 con chung là cháu N.T.H.M (nữ), sinh ngày 04/4/2021. Hiện nay, cháu H.M đang sống chung với bà Hoa, nên khi ly hôn ông đồng ý để bà Hoa được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu H.M. Ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu H.M đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn ông N.Q.T và bị đơn bà N.T.H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* ông N.Q.T và bà N.T.H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2019. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông T có đơn yêu cầu ly hôn với bà H. Bị đơn bà H có địa chỉ tại phường An Khánh, quận Ninh Kiều nên vụ kiện được xác định là “Tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa tiến hành các thủ tục công khai chứng cứ, hòa giải theo đúng quy định của pháp luật. Ông N.Q.T và bà N.T.H đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông Thái, bà Hoa là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về thời hiệu khởi kiện:* Thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[4] *Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Ông N.Q.T và bà N.T.H nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ vào ngày 01/10/2019 nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không có sự chăm sóc và chia sẻ với nhau dẫn đến vợ chồng không còn tiếng nói chung. Đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông N.Q.T nhận thấy tình cảm không thể hàn gắn nên có đơn yêu cầu xin ly hôn với bà N.T.H. Về phía bà H dù đã được Toà án triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không thể hiện ý đối với yêu cầu ly hôn của ông T cho thấy bà không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này, đời sống hôn nhân không còn đem lại hạnh phúc cho các bên. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của ông N.Q.T là có cơ sở để chấp nhận.

[4.1] *Về con chung*: ông Thái trình bày có 01 con chung là cháu N.T.H.M (nữ), sinh ngày 04/4/2021. Hiện nay, cháu H.M đang sống chung với mẹ là bà H nên khi ly hôn ông T đồng ý để bà Hoa được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu N.T.H.M. Xét thấy, hiện nay cháu H.M đang sống chung với bà H và cháu là bé gái dưới 36 tháng tuổi nên theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình sẽ do mẹ là bà Hoa trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu N.T.H.M cho bà N.T.H trực tiếp nuôi dưỡng.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông N.Q.T. Không ai được quyền ngăn cản ông Thái thực hiện quyền này

[4.2] *Về cấp dưỡng*: ông N.Q.T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/tháng đến khi cháu H.M đủ 18 tuổi. Đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: bà H vắng mặt, nguyên đơn không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] *Về án phí hôn nhân*: Nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông N.Q.T.

- Về quan hệ hôn nhân: ông N.Q.T được ly hôn với bà N.T.H.

- Về con chung: giao cháu N.T.H.M (nữ), sinh ngày 04/4/2021 cho bà N.T.H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông N.Q.T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu H.M đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông N.Q.T. Không ai được quyền ngăn cản ông T thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do bị đơn vắng mặt và nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn ông N.Q.T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đồng và 150.000đồng án phí cấp dưỡng, chuyển tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000788 ngày 12/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều thành án phí. Ông N.Q.T phải nộp thêm 150.000đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nói trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai Hồng

Đỗ Thị Lệ Hằng

Lê Thị Huyền Trang

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nơi nhận:

- Các đương sự;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND Q.Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q.Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Huyền Trang